

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 36/2023/HS-ST
Ngày 14-02-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lập Tiến, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Muôn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2023/TLST-HS ngày 18/01/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HS ngày 31/01/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 03/7/1996, tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L, sinh năm 1962 và con bà Hoàng Thị H, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/5/2022, bị Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính 1071/QĐ-XPHC về hành vi rải tờ rơi quảng cáo dọc Quốc lộ 27 thuộc địa bàn xã D, huyện C gây mất mỹ quan, ảnh hưởng trật T12 toàn giao thông, xã hội bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/6/2022 đến ngày 07/7/2022. Đến ngày 07/7/2022, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1./ Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1996

Địa chỉ: Hẻm 327/78/56 Y, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

2./ Ông Lê H2, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 327/78/56 Y, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3./ Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 99 Q1, thị trấn P, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

4./ Bà Quan Thị B1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 5, xã B2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

5./ Bà Trần Lê Tuyết S, sinh năm 1988

- Địa chỉ: Thôn 8, thị trấn E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 6./ Bà Bùi Thị H3, sinh năm 1983
Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường E1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 7./ Bà Nguyễn Thị Tuyết P1, sinh năm 1967
Địa chỉ: 107/68/25 N, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 8./ Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn 5, xã E2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 9./ Ông Ngô S1, sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn 8, xã H4, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 10./ Bà Vương Thị Hạ H5, sinh năm 1990
Địa chỉ: Số 335/1 Y2, phường T4, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 11./ Bà Nguyễn Thị Kim H6, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn 5, xã E2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 12./ Bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1971
Địa chỉ: Số 04 B3, thị trấn B4, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 13./ Bà Bùi Thị H7, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn H8, xã B2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 14./ Ông Phạm Văn T5, sinh năm 1988
Địa chỉ: Số 31 C2, phường T6, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 15./ Bà Trần Thái Tú U, sinh năm 1992
Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường K1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 16./ Bà Ngô Thị H9, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn T7, xã Q2, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.
- 17./ Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1982
Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 18./ Bà H K2, sinh năm 1988
Địa chỉ: Buôn D2, xã C1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 19./ Ông Đỗ Đăng D3, sinh năm 1970
Địa chỉ: Buôn K3, xã C1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 20./ Bà H N, sinh năm 1963
Địa chỉ: 124 S2, phường E1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 21./ Bà H W, sinh năm 1968
Địa chỉ: 124 S2, phường E1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 22./ Bà H U1, sinh năm 1963
Địa chỉ: hẻm 124 S2, phường E1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 23./ Ông Phạm Phước A1, sinh năm 1983
Địa chỉ: Số 233/20 X1, phường T8, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 24./ Ông Trần Hữu G, sinh năm 1984
Địa chỉ: Số 233/17/37 X1, phường T8, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 25./ Ông Nguyễn Văn T9, sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn 12, xã E3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 26./ Bà Nguyễn Thị Mỹ H10, sinh năm 1970
Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn A2, huyện K4, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)
- 27./ Bà Ngô Thị Mỹ H11, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn E4, xã E4, huyện K4, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

28./ Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 12, xã E3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

29./ Ông Nguyễn Xuân T10, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q3, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

30. Ông Đàm Văn T11, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn U2, xã Q4, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5/2022, Lê Văn T vay của Nguyễn Xuân T10 (sinh năm 1990, trú tại: thôn Đ, xã Q3, huyện X, tỉnh Thanh Hóa) số tiền 100.000.000 đồng (đ) để làm ăn thì Trường đồng ý. Sau khi có tiền thì T đi đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk liên lạc với Đàm Văn T11 (sinh năm 1999, trú tại Thôn U2, xã Q4, huyện X, tỉnh Thanh Hóa) để tổ chức hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao, lúc này T11 nói với T đến ở cùng T11 và Lê Ngọc Q5 (không xác định nhân thân, trú tại tỉnh Thanh Hóa) tại nhà nghỉ (không nhớ tên và địa chỉ) tại đường Y, phường T1, thành phố B. Đến ngày 15/5/2022, T cùng với T11 và Q5 chuyển đến thuê tại phòng 7, tầng 7, Block A, chung cư Hoàng Anh Gia Lai, địa chỉ: Số 33 N3, Phường T12, thành phố B để ở.

Để hoạt động cho vay tiền tại tỉnh Đắk Lắk, T bàn bạc và thống nhất là T11 hỗ trợ T tìm người vay và đi thu tiền hàng ngày, T sẽ lo chỗ ăn ở, phương tiện đi lại và tiền tiêu xài cá nhân cho T11, T11 đồng ý. Sau đó, T và T11 in tờ rơi quảng cáo với nội dung cho vay tiền và để lại thông tin số điện thoại 0783111078; 0942555865; 0782541688; 0971562618 để trực tiếp liên lạc với khách vay tiền và thu tiền hàng ngày. Khi khách có nhu cầu vay tiền thì T và T11 đến gặp trực tiếp người vay tiền để xác minh về chỗ ở, khả năng tài chính, sau khi thấy đủ điều kiện cho vay thì Tiến trực tiếp đưa tiền cho khách vay. Hàng ngày, T và T11 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 81U1-167.68 đi thu tiền của những người vay, nếu không trực tiếp đi thu tiền thì T yêu cầu khách vay chuyển khoản vào số tài khoản 101872072167 Ngân hàng Vietinbank mang tên Lê Văn T.

Để quản lý hoạt động cho vay, Lê Văn T sử dụng APP “Google Trang tính” với tên đăng nhập là “vkkieu1996@gmail.com”, mật khẩu là “Letien1996” trực tiếp quản lý, sử dụng trang tính trên. Riêng đối với Đàm Văn T11 cùng với Lê Văn T hoạt động cho vay tiền tại tỉnh Đắk Lắk từ đầu tháng 5/2022 cho đến ngày 06/6/2022 thì trở về quê sinh sống.

Đến nay, CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk đã chứng minh những người vay tiền của bị cáo Lê Văn T, cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1989, trú tại: Số 99 Q1, thị trấn P, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. Vay 02 lần:

- Lần 1: Vào khoảng đầu tháng 6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.300.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.300.000đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 57.530đ. Tiến đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 1.300.000đ - 57.534đ = 1.542.466đ$.

- Lần 2: Ngày 19/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 07 ngày với số tiền 2.100.000đ, trong đó tiền gốc là 1.666.667đ, tiền lãi là 433.333đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 19.178đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 433.333đ - 19.178đ = 714.155đ$.

Như vậy, tổng số tiền T cho bà T2 vay là 10.000.000đ. Tiền thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.256.621đ (Hai triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi một đồng).

2. Bà Quan Thị B1, sinh năm 1981, trú tại: Thôn 5, xã B2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 05 ngày với số tiền 1.500.000đ, trong đó tiền gốc là 1.190.476đ, tiền lãi đã trả là 309.524đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 13.699đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 309.524đ - 13.699đ = 595.825đ$ (Năm trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng).

3. Bà Trần Lê Tuyết S, sinh năm 1988, trú tại: Thôn 8, thị trấn E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. Vay 02 lần; cụ thể;

- Lần 1: Ngày 13/6/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 500.000đ, khoản vay này đã trả 15 ngày với số tiền 7.500.000đ, trong đó tiền gốc là 6.000.000đ, tiền lãi là 1.500.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất theo quy định nhà nước là 82.192đ. Tiền thu lợi bất chính tổng số tiền là: $500.000đ + 1.500.000đ - 82.192đ = 1.917.808đ$.

- Lần 2: Ngày 13/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 250.000đ, khoản vay này đã trả 15 ngày với số tiền 3.750.000đ, trong đó tiền gốc là 3.000.000đ, tiền lãi là 750.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất theo quy định nhà nước là 41.096đ. Tiền thu lợi bất chính tổng số tiền là: $250.000đ + 750.000đ - 41.096đ = 958.904đ$.

Như vậy, tổng số tiền T cho bà S vay là 15.000.000đ. T thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.876.712đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm mười hai đồng).

4. Bà Bùi Thị H3, sinh năm 1983, trú tại: Tổ dân phố 11, phường E1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 17/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 10 ngày với số tiền 2.500.000đ, trong đó tiền gốc là 2.000.000đ, tiền lãi là 500.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 27.397đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 500.000đ - 27.397đ = 772.603đ$ (Bảy trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm lẻ ba đồng).

5. Bà Nguyễn Thị Tuyết P1, sinh năm 1967, trú tại: 107/68/25 N, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 22/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 09 ngày với số tiền 2.700.000đ, trong đó tiền gốc là 2.142.857đ, tiền lãi là 557.143đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 24.658đ. Tiền đã

thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 557.143đ - 24.658 = 832.485đ$ (Tám trăm ba mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1990, trú tại: Thôn 5, xã E2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 13 ngày với số tiền 3.900.000đ, trong đó tiền gốc là 3.095.238đ, tiền lãi là 804.762đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 35.616đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 804.762đ - 35.616đ = 1.069.146đ$ (Một triệu không trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng).

7. Ông Ngô S1, sinh năm 1973, trú tại: Thôn 8, xã H4, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Vay 02 lần:

- Lần 1: Ngày 21/5/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.300.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.300.000đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 57.534đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 1.300.000đ - 57.534đ = 1.542.466đ$.

- Lần 2: Ngày 09/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 19 ngày với số tiền 5.700.000đ, trong đó tiền gốc là 4.523.810đ, tiền lãi là 1.176.190đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 52.055đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 1.176.190đ - 52.055đ = 1.424.136đ$.

Như vậy, tổng số tiền T cho ông S1 vay là 10.000.000đ. Tiền thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.966.602 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ hai đồng).

8. Bà Vương Thị Hạ H5, sinh năm 1990, trú tại: 335/1 Y2, phường T4, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk. Vay 02 lần:

- Lần 1: Ngày 09/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 400.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.300.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.300.000đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 57.534đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $400.000đ + 1.300.000đ - 57.534đ = 1.642.466đ$.

- Lần 2: Ngày 20/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 400.000đ, khoản vay này đã trả 06 ngày với số tiền 1.800.000đ, trong đó tiền gốc là 1.428.571đ, tiền lãi đã trả là 371.429đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 16.438đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $400.000đ + 371.429đ - 16.438đ = 754.991đ$.

Như vậy, tổng số tiền T cho bà H5 vay là 10.000.000đ. Tiền thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.397.456đ (Hai triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi sáu đồng).

9. Bà Nguyễn Thị Kim H6, sinh năm 1986, trú tại: Thôn 5, xã E2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vay 02 lần:

- Lần 1: Ngày 03/6/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 600.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 12.500.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.500.000đ tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $600.000đ + 2.500.000đ - 136.986đ = 2.963.014đ$.

- Lần 2: Ngày 22/6/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 600.000đ, khoản vay này đã trả 04 ngày với số tiền 2.000.000đ, trong đó tiền gốc là 1.600.000đ, tiền lãi là 400.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 21.981đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $600.000đ + 400.000đ - 21.981đ = 978.019đ$.

Như vậy, tổng số tiền T cho bà H6 vay là 20.000.000đ. T thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.941.033đ (Ba triệu chín trăm bốn mươi một ngàn không trăm ba mươi ba đồng).

10. Bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1971, trú tại: 04 B3, thị trấn B4, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 22/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 500.000đ, khoản vay này đã trả 04 ngày với số tiền 1.000.000đ, trong đó tiền gốc là 800.000đ, tiền lãi đã trả là 200.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 10.959đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000đ + 200.000đ - 10.959đ = 689.041đ$ (Sáu trăm tám mươi chín ngàn không trăm bốn mươi một đồng).

11. Bà Bùi Thị H7, sinh năm 1981, trú tại: Thôn H8, xã B2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 400.000đ, khoản vay này đã trả 05 ngày với số tiền 1.500.000đ, trong đó tiền gốc là 1.190.476đ, tiền lãi là 309.524đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 13.699đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000đ + 309.524đ - 13.699đ = 695.825đ$ (Sáu trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng).

12. Ông Phạm Văn T5, sinh năm 1988, trú tại: 31 C2, phường T6, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Ngày 24/5/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 100.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.250.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.250.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $100.000đ + 1.250.000đ - 68.493đ = 1.281.507đ$.

- Lần 2: Ngày 19/6/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 500.000đ, khoản vay này đã trả 08 ngày với số tiền 4.000.000đ, trong đó tiền gốc là 3.200.000đ, tiền lãi là 800.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 43.836đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000đ + 800.000đ - 43.836đ = 1.256.164đ$.

Như vậy, tổng số tiền T cho ông T5 vay là 15.000.000đ. Tiền thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.537.671đ (Hai triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng).

13. Bà Trần Thái Tú U, sinh năm 1992, trú tại: Tổ dân phố 12, phường K1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 22/6/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 600.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 1.000.000đ, khoản vay này đã trả 04 ngày với số tiền 2.400.000đ, trong đó tiền gốc là 1.904.762đ, tiền lãi là 495.238đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 21.918đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.000.000đ + 495.238đ - 21.918đ = 1.473.320đ$ (Một triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm hai mươi đồng).

14. Bà Ngô Thị H9, sinh năm 1987, trú tại: Thôn T7, xã Q2, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần:

- Lần 1: Ngày 16/5/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 1.000.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 12.500.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.500.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.000.000đ + 2.500.000đ - 136.986đ = 3.363.014đ$.

- Lần 2: Ngày 07/6/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 1.000.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 12.500.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.500.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.000.000đ + 2.500.000đ - 136.986đ = 3.363.014đ$.

- Lần 3: Ngày 22/6/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 1.000.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 12.500.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả 04 ngày với số tiền 2.000.000đ, trong đó tiền gốc là 1.600.000đ, tiền lãi là 400.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 21.918đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.000.000đ + 400.000đ - 21.918đ = 1.378.082đ$.

Như vậy, tổng số tiền T cho bà H9 vay là 30.000.000đ. Tiền thu lợi bất chính tổng số tiền là 8.104.110đ (Tám triệu một trăm lẻ bốn ngàn một trăm mười đồng).

15. Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1982, trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 06/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 250.000đ, khoản vay này đã trả 20 ngày với số tiền 5.000.000đ, trong đó tiền gốc là 4.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 54.795đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $250.000đ + 1.000.000đ - 54.795đ = 1.195.205đ$ (Một triệu một trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

16. Bà H K2, sinh năm 1988, trú tại: Buôn D2, xã C1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Ngày 10/5/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 400.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.300.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ,

tiền lãi là 1.300.000đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 57.534đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $400.000đ + 1.300.000đ - 57.534đ = 1.642.466đ$.

- Lần 2: Ngày 11/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 400.000đ nên, khoản vay này đã trả 03 ngày với số tiền 900.000đ, trong đó tiền gốc là 714.286đ, tiền lãi là 185.714đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 8.219đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $400.000 + 185.714 - 8.219 = 577.495đ$.

Như vậy, tổng số tiền T cho bà H K2 vay là 10.000.000đ. T thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.219.961đ (Hai triệu hai trăm mười chín ngàn chín trăm sáu mươi một đồng).

17. Ông Đỗ Đăng D3, sinh năm 1970, trú tại: Buôn K3, xã C1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần:

- Lần 1: Đầu tháng 5/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 500.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.250.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.250.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000đ + 1.250.000đ - 68.493đ = 1.681.507đ$.

- Lần 2: Đầu tháng 6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.250.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.250.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 1.250.000đ - 68.493đ = 1.481.507đ$.

- Lần 3: Ngày 18/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 250.000đ, khoản vay này đã trả 08 ngày với số tiền 2.000.000đ, trong đó tiền gốc là 1.600.000đ, tiền lãi là 400.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 21.918đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $250.000đ + 400.000đ - 21.918đ = 628.082đ$.

Như vậy, tổng số tiền T cho ông D3 vay là 15.000.000đ. T thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.791.096đ (Ba triệu bảy trăm chín mươi một ngàn không trăm chín mươi sáu đồng).

18. Bà H N, sinh năm 1963, trú tại: 124 S2, phường E1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 18 ngày với số tiền 5.400.000đ, trong đó tiền gốc là 4.285.174đ, tiền lãi là 1.114.286đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 49.315đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 1.114.286đ - 49.315đ = 1.364.971đ$ (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi một đồng).

19. Bà H W, sinh năm 1968, trú tại: 124 S2, phường E1, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 13 ngày với số tiền 3.900.000đ, trong đó tiền gốc là 3.095.238đ, tiền lãi là 804.762đ (tương ứng với

lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 35.616đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 804.762đ - 35.616đ = 1.069.146đ$ (Một triệu không trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng).

20. Bà H U1, sinh năm 1963, trú tại: hẻm 124 S2, phường E1, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 18 ngày với số tiền 5.400.000đ, trong đó tiền gốc là 4.285.174đ, tiền lãi là 1.114.286đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 49.315đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 1.114.286đ - 49.315đ = 1.364.971đ$ (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi một đồng).

21. Ông Phạm Phước A1, sinh năm 1983, trú tại: 233/20 X1, phường T8, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 13/6/2022, vay số tiền 8.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 400.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 600.000đ, khoản vay này đã trả 13 ngày với số tiền 5.200.000đ, trong đó tiền gốc là 4.160.000đ, tiền lãi là 1.040.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 56.986đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $600.000đ + 1.040.000đ - 56.986đ = 1.583.014đ$ (Một triệu năm trăm tám mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng).

22. Ông Trần Hữu G, sinh năm 1984, trú tại: 233/17/37 X1, phường T8, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 03/6/2022, vay số tiền 4.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 200.000đ, khoản vay này đã trả 24 ngày với số tiền 4.800.000đ, trong đó tiền gốc là 3.840.000đ, tiền lãi là 960.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 52.603đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $200.000đ + 960.000đ - 52.603đ = 1.107.397đ$ (Một triệu một trăm lẻ bảy ngàn ba trăm chín bảy đồng).

23. Ông Nguyễn Văn T9, sinh năm 1975, trú tại: Thôn 12, xã E3, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/5/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 500.000đ, khoản vay này đã trả 15 ngày với số tiền 7.500.000đ, trong đó tiền gốc là 6.000.000đ, tiền lãi là 1.500.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 82.192đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000đ + 1.500.000đ - 82.192đ = 1.917.808đ$ (Một triệu chín trăm mười bảy ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

24. Bà Nguyễn Thị Mỹ H10, sinh năm 1970, trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn A2, huyện K4, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 06/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 400.000đ, khoản vay này đã trả 20 ngày với số tiền 5.000.000đ, trong đó tiền gốc là 4.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 54.795đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $400.000đ + 1.000.000đ - 54.795đ = 1.345.205đ$ (Một triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

25. Bà Ngô Thị Mỹ H11, sinh năm 1972, trú tại: thôn E4, xã E4, huyện K4, tỉnh Đắk Lắk. Vay 02 lần:

- Lần 1: Ngày 16/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời gian 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 250.000đ, nên khi trả đủ sẽ thành 6.250.000đ cả gốc và lãi, bà Hạnh đã trả đủ gốc và lãi đối với khoản vay này, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.250.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $250.000đ + 1.250.000đ - 68.493đ = 1.431.507đ$.

- Lần 2: Ngày 22/6/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời gian 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ, phí 250.000đ, nên khi trả đủ sẽ thành 6.250.000đ cả gốc và lãi, bà Hạnh đã trả đủ gốc và lãi đối với khoản vay này, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.250.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $250.000đ + 1.250.000đ - 68.493đ = 1.431.507đ$.

Như vậy, tổng số tiền T cho bà H11 vay là 10.000.000đ. T thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.863.014đ (Hai triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng).

26. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1977, trú tại: Thôn 12, xã E3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 15/5/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 20 ngày với số tiền 5.000.000đ, trong đó tiền gốc là 4.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 54.795đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 1.000.000đ - 54.795đ = 1.245.205đ$ (Một triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

Như vậy, Lê Văn T đã cho tổng cộng 26 người vay với tổng số tiền cho vay 237.000.000đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu đồng), tổng số tiền lãi đã thu được là 38.076.191đ (Ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm chín mươi đồng), tổng số tiền phí đã thu 16.150.000đ (mười sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng), tổng số tiền lãi theo quy định của nhà nước là 1.950.685đ (một triệu chín trăm năm mươi ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay là 52.275.443đ (Năm mươi hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

- Ngày 26/6/2022, Lê Văn T tự nguyện giao nộp:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A03, gắn 01 sim điện thoại mạng Viettel;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 81U1-167.68;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát: 36B6-388.48;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát: 36B6-388.48.

- Ngày 16/8/2022, bị cáo Lê Văn T tự nguyện giao nộp:

+ 01 Sổ hộ khẩu (bản gốc), chủ hộ Ngô Châu;

+ 01 Giấy chứng minh nhân dân (bản gốc bị cắt góc), số 240462700 mang tên Ngô S1;

+ 01 Sổ hộ khẩu (bản gốc), chủ hộ Ngô Phi Ba;

+ 01 Sổ hộ khẩu (bản gốc), chủ hộ Nguyễn Văn Linh;

+ 01 Căn cước công dân (bản gốc), số 040188035280 mang tên Trần Lê Tuyết S;

- + 01 Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Nguyễn Trần Gia Bảo;
- + 01 Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Hoàng Anh Khoa;
- + 01 Căn cước công dân (bản gốc), số 066188014695 mang tên H K2;
- + 01 Thẻ bảo hiểm y tế (bản gốc), số HN 2667515005119 mang tên H K2;
- + 01 Căn cước công dân (bản gốc), số 066088009222 mang tên Phạm Văn

T5;

- + 01 Giấy phép lái xe (bản gốc), số 662715 mang tên Phạm Văn T5;
- + 01 Giấy chứng minh nhân dân (bản gốc), số 241227642 mang tên Vương

Thị Hạ H5;

- + 01 Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Trần Đăng Tuệ;
- + 01 Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Trần Đăng Khánh Bằng;
- + 01 Chứng minh nhân dân (bản gốc), số 215110599 mang tên Lê Thành

Nhân.

- Ngày 25/6/2022, CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk tiến hành khám xét khẩn cấp tại Phòng 106, nhà nghỉ Tây nguyên, số 123 N4, thị trấn E5, huyện J, tỉnh Đắk Nông thu giữ của bị cáo Lê Văn T: 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, có gắn 01 sim điện thoại mạng Vinaphone, 01 sim điện thoại mạng Mobiphone.

Cáo trạng số 139/CT-VKS-HS ngày 11/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và đúng theo nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015; Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Ngày 18/7/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 35 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp bà Hoàng Thị H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát: 36B6-388.48; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát: 36B6-388.48 mang tên Hoàng Thị H1.

- Ngày 04/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 22 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

- + Trả lại cho ông Ngô S1, sinh năm 1973, trú tại: Thôn 8, xã H4, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản gốc), tên chủ hộ Ngô Châu; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân (bản gốc bị cắt góc), số 240462700 mang tên Ngô S1;

- + Trả lại cho bà Ngô Thị H9, sinh năm 1987, trú tại: xã Q2, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản gốc), chủ hộ Ngô Phi Ba;
- + Trả lại cho bà Trần Lê Tuyết S, sinh năm 1988, trú tại: Thôn 8, TT E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản gốc), chủ hộ Nguyễn Văn Linh; 01 (một) Căn cước công dân (bản gốc), số 040188035280 mang tên Trần Lê Tuyết S; 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Nguyễn Trần Gia Bảo;
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H6, sinh năm 1986 trú tại: xã EaKtur, huyện CưKuin, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Hoàng Anh Khoa;
- + Trả lại cho bà H K2, sinh năm 1988, trú tại: Buôn D2, xã C1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Căn cước công dân (bản gốc), số 066188014695 mang tên H K2; 01 (một) Thẻ bảo hiểm y tế (bản gốc), số HN 2667515005119 mang tên H K2;
- + Trả lại cho ông Phạm Văn T5, sinh năm 1988, trú tại: 31 C2, phường T6, thành phố Buôn Ma Thuột: 01 (một) Căn cước công dân (bản gốc), số 066088009222 mang tên Phạm Văn T5; 01 (một) Giấy phép lái xe (bản gốc), số 662715 mang tên Phạm Văn T5;
- + Trả lại cho bà Vương Thị Hạ H5, sinh năm 1990, trú tại: 335/1 Y2, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân (bản gốc), số 241227642 mang tên Vương Thị Hạ H5;
- + Trả lại cho bà Trần Thái Tú U, sinh năm 1992, trú tại: TPD 12, phường K1, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Trần Đăng Tuệ; 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Trần Đăng Khánh Bằng;
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1990, trú tại: xã E2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Chứng minh nhân dân (bản gốc), số 215110599 mang tên Lê Thành Nhân;
- Đối với 01 điện thoại di động Nokia 105, màu đen, có gắn 01 sim điện thoại mạng Vinaphone, 01 sim điện thoại mạng Mobiphone; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A03, gắn 01 sim điện thoại mạng Viettel; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 81U1-167.68. Đây là các công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.
- Truy thu số tiền lãi và tiền phí vay mà bị cáo đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) để trả lại cho những người vay, cụ thể:
 1. Bà Nguyễn Thị Thanh T2: số tiền 2.256.621đ (Hai triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi một đồng).
 2. Bà Quan Thị B1: số tiền 595.825đ (Năm trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng).
 3. Bà Trần Lê Tuyết S: số tiền 2.876.712đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm hai mươi một đồng).
 4. Bà Bùi Thị H3: số tiền 772.603đ (Bảy trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm lẻ ba đồng).
 5. Bà Nguyễn Thị Tuyết P1: số tiền 832.485đ (Tám trăm ba mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng).
 6. Bà Nguyễn Thị Ngọc A: số tiền 1.069.146đ (Một triệu không trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng).

7. Ông Ngô S1: số tiền 2.966.602đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ hai đồng).
8. Bà Vương Thị Hạ H5: số tiền 2.397.456đ (Hai triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi sáu đồng).
9. Bà Nguyễn Thị Kim H6: số tiền 3.941.033đ (Ba triệu chín trăm bốn mươi một ngàn không trăm ba mươi ba đồng).
10. Bà Trần Thị Kim L1: số tiền 689.041đ (Sáu trăm tám mươi chín ngàn không trăm bốn mươi một đồng).
11. Bà Bùi Thị H7: số tiền 695.825đ (Sáu trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng).
12. Ông Phạm Văn T5: số tiền 2.537.671đ (Hai triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng).
13. Bà Trần Thái Tú U: số tiền 1.473.320đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm hai mươi đồng).
14. Bà Ngô Thị H9: số tiền 8.104.110đ (Tám triệu một trăm lẻ bốn ngàn một trăm mười đồng).
15. Bà Trần Thị Thanh V: số tiền 1.195.205đ (Một triệu một trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).
16. Bà H K2: số tiền 2.219.961đ (Hai triệu hai trăm mười chín ngàn chín trăm sáu mươi một đồng).
17. Ông Đỗ Đăng D3: số tiền 3.791.096đ (Ba triệu bảy trăm chín mươi một ngàn không trăm chín mươi sáu đồng).
18. Bà H'Ner Êban: số tiền 1.364.971đ (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi một đồng).
19. Bà H W: số tiền 1.069.146đ (Một triệu không trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng).
20. Bà H U1: số tiền 1.364.971đ (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi một ngàn).
21. Ông Phạm Phước A1: số tiền 1.583.014đ (Một triệu năm trăm tám mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng).
22. Ông Trần Hữu G: số tiền 1.107.397đ (Một triệu một trăm lẻ bảy ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng).
23. Ông Nguyễn Văn T9: số tiền 1.917.808đ (Một triệu chín trăm mười bảy ngàn tám trăm lẻ tám đồng).
24. Bà Nguyễn Thị Mỹ H10: số tiền 1.345.205đ (Một triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).
25. Bà Ngô Thị Mỹ H11: số tiền 2.863.014đ (Hai triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng).
26. Ông Nguyễn Văn N2: số tiền 1.245.205đ (Một triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).
- Tổng cộng 52.275.443đ (Năm mươi hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng).
- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc và tiền lãi 20%/năm không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu từ người vay, cụ thể bị cáo đã thu đối với từng người vay như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 6.666.667đ và tiền lãi là 76.712đ. Tổng cộng là 6.743.379đ (Sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi chín đồng).

2. Bà Quan Thị B1 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 1.190.476đ và tiền lãi là 13.699đ. Tổng cộng là 1.204.175đ (Một triệu hai trăm lẻ bốn ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Bà Trần Lê Tuyết S đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 9.000.000đ và tiền lãi là 123.288đ. Tổng cộng là 9.123.288đ (Chín triệu một trăm hai mươi ba ngàn hai trăm tám tám đồng).

4. Bà Bùi Thị H3 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 2.000.000đ và tiền lãi là 27.397đ. Tổng cộng là 2.027.397đ (Hai triệu không trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng).

5. Bà Nguyễn Thị Tuyết P1 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 2.142.857đ và tiền lãi là 24.658đ. Tổng cộng là 2.167.515đ (Hai triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm mười lăm đồng).

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc A đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 3.095.238đ và tiền lãi là 35.616đ. Tổng cộng là 3.130.854đ (Ba triệu một trăm ba mươi ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng).

7. Ông Ngô S1 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 9.523.810đ và tiền lãi là 109.589đ. Tổng cộng là 9.633.399đ (Chín triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn ba trăm chín mươi chín đồng).

8. Bà Vương Thị Hạ H5 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 6.428.571đ và tiền lãi là 73.972đ. Tổng cộng là 6.502.543đ (Sáu triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng).

9. Bà Nguyễn Thị Kim H6 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 11.600.000đ và tiền lãi là 158.967đ. Tổng cộng là 11.758.967đ (mười một triệu bảy trăm năm tám ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng).

10. Bà Trần Thị Kim L1 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 800.000đ và tiền lãi là 10.959đ. Tổng cộng là 810.959đ (Tám trăm mười ngàn chín trăm năm mươi chín đồng).

11. Bà Bùi Thị H7 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 1.190.476đ và tiền lãi là 13.699đ. Tổng cộng là 1.204.175đ (Một triệu hai trăm lẻ bốn ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng).

12. Ông Phạm Văn T5 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 8.200.000đ và tiền lãi là 112.329đ. Tổng cộng là 8.312.329đ (Tám triệu ba trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng).

13. Bà Trần Thái Tú U đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 1.904.762đ và tiền lãi là 21.918đ. Tổng cộng là 1.926.680đ (Một triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm tám mươi đồng).

14. Bà Ngô Thị H9 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 21.600.000đ và tiền lãi là 295.890đ. Tổng cộng là 21.895.890đ (Hai mươi một triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi đồng).

15. Bà Trần Thị Thanh V đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 4.000.000đ và tiền lãi là 54.795đ. Tổng cộng là 4.054.795đ (Bốn triệu không trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

16. Bà H K2 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 5.714.286đ và tiền lãi là 65.753đ. Tổng cộng là 5.780.039đ (Năm triệu bảy trăm tám mươi ngàn không trăm ba mươi chín đồng).

17. Ông Đỗ Đăng D3 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 11.600.000đ và tiền lãi là 158.904đ. Tổng cộng là 11.758.904đ (Mười một triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ bốn đồng).

18. Bà H N đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 4.285.714đ và tiền lãi là 49.315đ. Tổng cộng là 4.334.489đ (Bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm tám mươi chín đồng).

19. Bà H W đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 3.095.238đ và tiền lãi là 35.616đ. Tổng cộng là 3.130.854đ (Ba triệu một trăm ba mươi ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng).

20. Bà H U1 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 4.285.174đ và tiền lãi là 49.315đ. Tổng cộng là 4.334.489đ (Bốn triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng).

21. Ông Phạm Phước A1 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 4.160.000đ và tiền lãi là 56.986đ. Tổng cộng là 4.216.986đ (Bốn triệu hai trăm mười sáu ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng).

22. Ông Trần Hữu G đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 3.840.000đ và tiền lãi là 52.603đ. Tổng cộng là 3.892.603đ (Ba triệu tám trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm lẻ ba đồng).

23. Ông Nguyễn Văn T9 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 6.000.000đ và tiền lãi là 82.192đ. Tổng cộng là 6.082.192đ (Sáu triệu không trăm tám mươi hai ngàn một trăm chín mươi hai đồng).

24. Bà Nguyễn Thị Mỹ H10 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 4.000.000đ và tiền lãi là 54.795đ. Tổng cộng là 4.054.795đ (Bốn triệu không trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

25. Bà Ngô Thị Mỹ H11 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 10.000.000đ và tiền lãi là 136.986đ. Tổng cộng là 10.136.986đ (Mười triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

26. Ông Nguyễn Văn N2 đã trả cho Lê Văn T số tiền gốc là 4.000.000đ và tiền lãi là 54.795đ. Tổng cộng là 4.054.795đ (Bốn triệu không trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Tổng cộng 152.273.477đ (Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền nợ gốc đã vay của người vay tiền chưa trả cho bị cáo, cụ thể đối với từng người vay như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T2: số tiền 3.333.333đ (Ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

2. Bà Quan Thị B1: số tiền 3.809.524đ (Ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng).

3. Bà Trần Lê Tuyết S: số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

4. Bà Bùi Thị H3: số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

5. Bà Nguyễn Thị Tuyết P1: số tiền 2.857.143đ (Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc A: số tiền 1.904.762đ (Một triệu chín trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

7. Ông Ngô S1: số tiền 476.190đ (Bốn trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm chín mươi đồng).

8. Bà Vương Thị Hạ H5: số tiền 3.571.429đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm hai mươi chín đồng).

9. Bà Nguyễn Thị Kim H6: số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

10. Bà Trần Thị Kim L1: số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

11. Bà Bùi Thị H7: số tiền 3.809.524đ (Ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng).

12. Ông Phạm Văn T5: số tiền 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

13. Bà Trần Thái Tú U: số tiền 8.095.238đ (Tám triệu không trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi tám đồng).

14. Bà Ngô Thị H9: số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

15. Bà Trần Thị Thanh V: số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

16. Bà H K2: số tiền 4.285.714đ (Bốn triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng)

17. Ông Đỗ Đăng D3: số tiền 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

18. Bà H N: số tiền 714.826đ (Bảy trăm mười bốn ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng).

19. Bà H W: số tiền 1.904.762đ (Một triệu chín trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

20. Bà H U1: số tiền 714.826đ (Bảy trăm mười bốn ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng).

21. Ông Phạm Phước A1: số tiền 3.840.000đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

22. Ông Trần Hữu G: số tiền 160.000đ (Một trăm sáu mươi ngàn đồng).

23. Ông Nguyễn Văn T9: số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

24. Bà Nguyễn Thị Mỹ H10: số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

25. Ông Nguyễn Văn N2: số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Tổng cộng 86.677.271đ (Tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi một đồng).

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03, gắn 01 sim điện thoại mạng Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn 01 sim điện thoại mạng vinaphone, 01 sim điện thoại mạng mobifone; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 81U1-167.68. Đây là các công cụ, phương tiện bị cáo Lê Văn T sử dụng phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Các vấn đề khác đề nghị HĐXX chấp nhận như nội dung tại bản Cáo trạng.

Bị cáo không tranh luận nội dung gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 6/2022, Lê Văn T đã cho 26 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 237.000.000đ, mức lãi suất 365%/năm; Số tiền lãi đã thu được là 38.076.191đ, tổng số tiền phí đã thu là 16.150.000đ, tổng số tiền lãi theo quy định của nhà nước là 1.950.685đ, tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu của người vay là 52.275.443đ thì bị phát hiện xử lý.

Vì vậy, bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng việc cho người khác vay tiền và áp đặt mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên là phạm tội. Nhưng vì động cơ vụ lợi nên từ tháng 05/2022 đến tháng 6/2022 tại thành phố Buôn Ma Thuột, huyện K, huyện C1, huyện K4 thuộc tỉnh Đắk Lắk, bị cáo đã dùng số tiền gốc là 237.000.000đ để cho 26 cá nhân vay tiền với mức lãi suất cao 365%/năm gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền là 52.275.443đ. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt sao cho tương xứng với hành vi phạm tội. Có như vậy, mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo Tiền 50.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử cần áp dụng khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nhận định trên, xét thấy: Bị cáo Lê Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo ngoài đời sống xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương kết hợp với gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015; Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Đối với số tiền thu lợi bất chính: Cần truy thu của bị cáo Lê Văn T số tiền 52.275.443đ là tiền thu lợi bất chính để trả lại cho những người vay tiền, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Thanh T2: số tiền 2.256.621đ.

Bà Quan Thị B1: số tiền 595.825đ.

Bà Trần Lê Tuyết S: số tiền 2.876.712đ.

Bà Bùi Thị H3: số tiền 772.603đ.

Bà Nguyễn Thị Tuyết P1: số tiền 832.485đ.

Bà Nguyễn Thị Ngọc A: số tiền 1.069.146đ.

Ông Ngô S1: số tiền 2.966.602đ.

Bà Vương Thị Hạ H5: số tiền 2.397.456đ.

Bà Nguyễn Thị Kim H6: số tiền 3.941.033đ.

Bà Trần Thị Kim L1: số tiền 689.041đ.

Bà Bùi Thị H7: số tiền 695.825đ.

Ông Phạm Văn T5: số tiền 2.537.671đ.

Bà Trần Thái Tú U: số tiền 1.473.320đ.

Bà Ngô Thị H9: số tiền 8.104.110đ.

Bà Trần Thị Thanh V: số tiền 1.195.205đ.

Bà H K2: số tiền 2.219.961đ.

Ông Đỗ Đăng D3: số tiền 3.791.096đ.

Bà H'Ner Êban: số tiền 1.364.971đ.

Bà H W: số tiền 1.069.146đ.

Bà H U1: số tiền 1.364.971đ.

Ông Phạm Phước A1: số tiền 1.583.014đ.

Ông Trần Hữu G: số tiền 1.107.397đ.

Ông Nguyễn Văn T9: số tiền 1.917.808đ.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H10: số tiền 1.345.205đ.

Bà Ngô Thị Mỹ H11: số tiền 2.863.014đ.

Ông Nguyễn Văn N2: số tiền 1.245.205đ.

- Truy thu của bị cáo Lê Văn T số tiền gốc và tiền lãi 20%/năm không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu từ người vay là 152.273.477đ (Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng) nộp sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền 86.677.271đ (Tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi một đồng) nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Lê Văn T, để nộp sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Thanh T2: số tiền 3.333.333đ.
Bà Quan Thị B1: số tiền 3.809.524đ.
Bà Trần Lê Tuyết S: số tiền 6.000.000đ.
Bà Bùi Thị H3: số tiền 3.000.000đ.
Bà Nguyễn Thị Tuyết P1: số tiền 2.857.143đ.
Bà Nguyễn Thị Ngọc A: số tiền 1.904.762đ.
Ông Ngô S1: số tiền 476.190đ.
Bà Vương Thị Hạ H5: số tiền 3.571.429đ.
Bà Nguyễn Thị Kim H6: số tiền 8.400.000đ.
Bà Trần Thị Kim L1: số tiền 4.200.000đ.
Bà Bùi Thị H7: số tiền 3.809.524đ.
Ông Phạm Văn T5: số tiền 6.800.000đ.
Bà Trần Thái Tú U: số tiền 8.095.238đ.
Bà Ngô Thị H9: số tiền 8.400.000đ.
Bà Trần Thị Thanh V: số tiền 1.000.000đ.
Bà H K2: số tiền 4.285.714đ.
Ông Đỗ Đăng D3: số tiền 3.400.000đ.
Bà H N: số tiền 714.000đ.
Bà H W: số tiền 1.904.762đ.
Bà H U1: số tiền 714.000đ.
Ông Phạm Phước A1: số tiền 3.840.000đ.
Ông Trần Hữu G: số tiền 160.000đ.
Ông Nguyễn Văn T9: số tiền 4.000.000đ.
Bà Nguyễn Thị Mỹ H10: số tiền 1.000.000đ.
Ông Nguyễn Văn N2: số tiền 1.000.000đ.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A03, gắn 01 sim điện thoại mạng Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn 01 sim điện thoại mạng vinaphone, 01 sim điện thoại mạng mobifone; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 81U1-167.68. Đây là các công cụ, phương tiện bị cáo Lê Văn T sử dụng phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 35, ngày 18/7/2022 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp bà Hoàng Thị H1 (sinh năm 1996, trú tại 327/78/56 Y, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát: 36B6-388.48; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát: 36B6-388.48 mang tên Hoàng Thị H1.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 22, ngày 04/10/2022, bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

+ Trả lại cho ông Ngô S1, sinh năm 1973, trú tại: Thôn 8, xã H4, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản gốc), tên chủ hộ Ngô Châu; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân (bản gốc bị cắt góc), số 240462700 mang tên Ngô S1;

+ Trả lại cho bà Ngô Thị H9, sinh năm 1987, trú tại: xã Q2, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản gốc), chủ hộ Ngô Phi Ba;

+ Trả lại cho bà Trần Lê Tuyết S, sinh năm 1988, trú tại: Thôn 8, TT E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản gốc), chủ hộ Nguyễn Văn Linh; 01 (một) Căn cước công dân (bản gốc), số 040188035280 mang tên Trần Lê Tuyết S; 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Nguyễn Trần Gia Bảo;

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H6, sinh năm 1986 trú tại: xã EaKtur, huyện CưKuin, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Hoàng Anh Khoa;

+ Trả lại cho bà H K2, sinh năm 1988, trú tại: Buôn D2, xã C1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Căn cước công dân (bản gốc), số 066188014695 mang tên H K2; 01 (một) Thẻ bảo hiểm y tế (bản gốc), số HN 2667515005119 mang tên H K2;

+ Trả lại cho ông Phạm Văn T5, sinh năm 1988, trú tại: 31 C2, phường T6, thành phố Buôn Ma Thuột: 01 (một) Căn cước công dân (bản gốc), số 066088009222 mang tên Phạm Văn T5; 01 (một) Giấy phép lái xe (bản gốc), số 662715 mang tên Phạm Văn T5;

+ Trả lại cho bà Vương Thị Hạ H5, sinh năm 1990, trú tại: 335/1 Y2, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân (bản gốc), số 241227642 mang tên Vương Thị Hạ H5;

+ Trả lại cho bà Trần Thái Tú U, sinh năm 1992, trú tại: TPD 12, phường K1, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Trần Đăng Tuệ; 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Trần Đăng Khánh Bằng;

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1990, trú tại: xã E2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Chứng minh nhân dân (bản gốc), số 215110599 mang tên Lê Thành Nhân;

[7] Các vấn đề khác:

- Trong vụ án này đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Đàm Văn T11. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chứng minh trong thời gian từ tháng 5/2022 đến ngày 6/6/2022, Đàm Văn T11 đã cho những người vay tiền cụ thể như sau:

1. Ông Ngô S1, sinh năm 1973, trú tại: Thôn 8, xã H4, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21/5/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.300.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.300.000đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 57.534đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: 300.000đ + 1.300.000đ – 57.534đ = 1.542.466đ (Một triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Ông Phạm Văn T5, sinh năm 1988, trú tại: 31 C2, phường T6, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 24/5/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 100.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.250.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.250.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: 100.000đ + 1.250.000đ – 68.493đ = 1.281.507đ (Một triệu hai trăm tám mươi một ngàn năm trăm lẻ bảy đồng).

3. Bà Ngô Thị H9, sinh năm 1987, trú tại: Thôn T7, xã Q2, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 16/5/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 1.000.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 12.500.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.500.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 136.986đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.000.000đ + 2.500.000đ - 136.986đ = 3.363.014đ$ (Ba triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng).

4. Bà H K2, sinh năm 1988, trú tại: Buôn D2, xã C1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/5/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 400.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.300.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.300.000đ (tương ứng với lãi suất 451,9%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 57.534đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $400.000đ + 1.300.000đ - 57.534đ = 1.642.466đ$ (Một triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

5. Ông Đỗ Đăng D3, sinh năm 1970, trú tại: Buôn K3, xã C1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

Đầu tháng 5/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 500.000đ nên khi trả đủ sẽ thành 6.250.000đ cả gốc và lãi, khoản vay này đã trả đủ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.250.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 68.493đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000đ + 1.250.000đ - 68.493đ = 1.681.507đ$ (Một triệu sáu trăm tám mươi một ngàn năm trăm lẻ bảy đồng).

6. Ông Nguyễn Văn T9, sinh năm 1975, trú tại: Thôn 12, xã E3, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 10/5/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 500.000đ, khoản vay này đã trả 15 ngày với số tiền 7.500.000đ, trong đó tiền gốc là 6.000.000đ, tiền lãi là 1.500.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 82.192đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000đ + 1.500.000đ - 82.192đ = 1.917.808đ$ (Một triệu chín trăm mười bảy ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

7. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1977, trú tại: Thôn 12, xã E3, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 15/5/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi, tiền phí 300.000đ, khoản vay này đã trả 20 ngày với số tiền 5.000.000đ, trong đó tiền gốc là 4.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ (tương ứng với lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 54.795đ. Tiền đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000đ + 1.000.000đ - 54.795đ = 1.245.205đ$ (Một triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

Như vậy, Đàm Văn T11 đã cho tổng cộng 07 người vay với tổng số tiền cho vay 45.000.000đ (Bốn mươi năm triệu đồng), số tiền lãi đã thu được là 10.100.000đ (Mười triệu một trăm ngàn đồng), tổng số tiền phí đã thu 3.100.000đ (ba triệu một trăm ngàn đồng), tổng số tiền lãi theo quy định của nhà nước là 526.027đ (Năm trăm hai mươi bảy ngàn không trăm hai mươi bảy đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính đã

thu của người vay là 12.673.973đ (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng). Hành vi của Đàm Văn T11 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đàm Văn T11 theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1511/QĐ-XPHC, ngày 21/12/2022 là phù hợp.

- Quá trình điều tra bị cáo Lê Văn T khai báo còn cho 11 người vay tiền, cụ thể:

- “Thuỷ A2”, số điện thoại: 0949237944;
- “Lanh anh tx bh”, số điện thoại: 0985326519;
- “Anh 157 PNL”, số điện thoại: 0845117179;
- “Cúc69 Nguyễn Đình Chiêu”, không có số điện thoại;
- “Kiều hoà tiền QP”, số điện thoại: 0946838547;
- “Liên tô 5 tan tiền BMT”, số điện thoại: 0347013163;
- “Thi60 Tô Hiến Thành”, số điện thoại: 0878482562;
- “Y 92.2.21 NX Nguyen”, số điện thoại: 0783870047;
- “Trâm 205 pham ngũ Lão”, số điện thoại: 0941914691;
- “Hương xô biết nghe tỉnh”, số điện thoại: 0839124858;
- “Tâm tt buôn trap”, số điện thoại: 0822736979.

Đối với những người vay tiền mà bị cáo khai báo nêu trên CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu, liên lạc qua số điện thoại nhưng đến nay vẫn chưa xác định được địa chỉ cụ thể, chưa làm việc được với những người nêu trên để làm rõ nội dung vay tiền của Lê Văn T và Đàm Văn T11. Vì vậy, CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk tách hành vi trên để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với việc Nguyễn Xuân T10 cho bị cáo Lê Văn T vay số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi cho vay Trường không biết bị cáo sử dụng số tiền trên vào mục đích phạm tội, đồng thời đây là các giao dịch hợp pháp chưa phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/6/2022 đến ngày 07/7/2022, một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lê Văn T tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn T số tiền 50.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015; Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Buộc bị cáo Lê Văn T trả lại số tiền 52.275.443đ là tiền thu lợi bất chính cho những người vay tiền, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Thanh T2: số tiền 2.256.621đ (Hai triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi một đồng).

Bà Quan Thị B1: số tiền 595.825đ (Năm trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng).

Bà Trần Lê Tuyết S: số tiền 2.876.712đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm hai mươi một đồng).

Bà Bùi Thị H3: số tiền 772.603đ (Bảy trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm lẻ ba đồng).

Bà Nguyễn Thị Tuyết P1: số tiền 832.485đ (Tám trăm ba mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Ngọc A: số tiền 1.069.146đ (Một triệu không trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng).

Ông Ngô S1: số tiền 2.966.602đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ hai đồng).

Bà Vương Thị Hạ H5: số tiền 2.397.456đ (Hai triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi sáu đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim H6: số tiền 3.941.033đ (Ba triệu chín trăm bốn mươi một ngàn không trăm ba mươi ba đồng).

Bà Trần Thị Kim L1: số tiền 689.041đ (Sáu trăm tám mươi chín ngàn không trăm bốn mươi một đồng).

Bà Bùi Thị H7: số tiền 695.825đ (Sáu trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng).

Ông Phạm Văn T5: số tiền 2.537.671đ (Hai triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng).

Bà Trần Thái Tú U: số tiền 1.473.320đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm hai mươi đồng).

Bà Ngô Thị H9: số tiền 8.104.110đ (Tám triệu một trăm lẻ bốn ngàn một trăm mười đồng).

Bà Trần Thị Thanh V: số tiền 1.195.205đ (Một triệu một trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

Bà H K2: số tiền 2.219.961đ (Hai triệu hai trăm mười chín ngàn chín trăm sáu mươi một đồng).

Ông Đỗ Đăng D3: số tiền 3.791.096đ (Ba triệu bảy trăm chín mươi một ngàn không trăm chín mươi sáu đồng).

Bà H'Ner Êban: số tiền 1.364.971đ (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi một đồng).

Bà H W: số tiền 1.069.146đ (Một triệu không trăm sáu mươi chín ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng).

Bà H U1: số tiền 1.364.971đ (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi một ngàn).

Ông Phạm Phước A1: số tiền 1.583.014đ (Một triệu năm trăm tám mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng).

Ông Trần Hữu G: số tiền 1.107.397đ (Một triệu một trăm lẻ bảy ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng).

Ông Nguyễn Văn T9: số tiền 1.917.808đ (Một triệu chín trăm mười bảy ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

Bà Nguyễn Thị Mỹ H10: số tiền 1.345.205đ (Một triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

Bà Ngô Thị Mỹ H11: số tiền 2.863.014đ (Hai triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng).

Ông Nguyễn Văn N2: số tiền 1.245.205đ (Một triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

- Truy thu của bị cáo Lê Văn T số tiền gốc và tiền lãi 20%/năm không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu từ người vay là 152.273.477đ (Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng) nộp sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền 86.677.271đ (Tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi một đồng) nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Lê Văn T, để nộp sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Thanh T2: số tiền 3.333.333đ (Ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Bà Quan Thị B1: số tiền 3.809.524đ (Ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng).

Bà Trần Lê Tuyết S: số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Bà Bùi Thị H3: số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Tuyết P1: số tiền 2.857.143đ (Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

Bà Nguyễn Thị Ngọc A: số tiền 1.904.762đ (Một triệu chín trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

Ông Ngô S1: số tiền 476.190đ (Bốn trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm chín mươi đồng).

Bà Vương Thị Hạ H5: số tiền 3.571.429đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm hai mươi chín đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim H6: số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Bà Trần Thị Kim L1: số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

Bà Bùi Thị H7: số tiền 3.809.524đ (Ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng).

Ông Phạm Văn T5: số tiền 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

Bà Trần Thái Tú U: số tiền 8.095.238đ (Tám triệu không trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi tám đồng).

Bà Ngô Thị H9: số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Bà Trần Thị Thanh V: số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Bà H K2: số tiền 4.285.714đ (Bốn triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng)

Ông Đỗ Đăng D3: số tiền 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Bà H N: số tiền 714.826đ (Bảy trăm mười bốn ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng).

Bà H W: số tiền 1.904.762đ (Một triệu chín trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

Bà H U1: số tiền 714.826đ (Bảy trăm mười bốn ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng).

Ông Phạm Phước A1: số tiền 3.840.000đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ông Trần Hữu G: số tiền 160.000đ (Một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn T9: số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Mỹ H10: số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn N2: số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A03, gắn 01 sim điện thoại mạng Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn 01 sim điện thoại mạng vinaphone, 01 sim điện thoại mạng mobifone; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 81U1-167.68.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/11/2022 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột)

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 35/QĐ-CSĐT, ngày 18/7/2022 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp bà Hoàng Thị H1 (sinh năm 1996, trú tại 327/78/56 Y Ênuôl, phường T1, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát: 36B6-388.48, số máy JF79E00140952, số khung 7902HY040009; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát: 36B6-388.48 mang tên Hoàng Thị H1. (Bút lục 254, 262).

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 22/QĐ-CSHS, ngày 04/10/2022, bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

+ Trả lại cho ông Ngô S1, sinh năm 1973, trú tại: Thôn 8, xã H4, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản gốc), tên chủ hộ Ngô Châu; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân (bản gốc bị cắt góc), số 240462700 mang tên Ngô S1.

+ Trả lại cho bà Ngô Thị H9, sinh năm 1987, trú tại: xã Q2, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản gốc), chủ hộ Ngô Phi Ba;

+ Trả lại cho bà Trần Lê Tuyết S, sinh năm 1988, trú tại: Thôn 8, TT E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Sổ hộ khẩu (bản gốc), chủ hộ Nguyễn Văn Linh; 01 (một) Căn cước công dân (bản gốc), số 040188035280 mang tên Trần Lê Tuyết S; 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Nguyễn Trần Gia Bảo;

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H6, sinh năm 1986 trú tại: xã EaKtur, huyện CưKuin, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Hoàng Anh Khoa;

+ Trả lại cho bà H K2, sinh năm 1988, trú tại: Buôn D2, xã C1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Căn cước công dân (bản gốc), số 066188014695 mang tên H K2; 01 (một) Thẻ bảo hiểm y tế (bản gốc), số HN 2667515005119 mang tên H K2;

+ Trả lại cho ông Phạm Văn T5, sinh năm 1988, trú tại: 31 C2, phường T6, thành phố Buôn Ma Thuột: 01 (một) Căn cước công dân (bản gốc), số 066088009222 mang tên Phạm Văn T5; 01 (một) Giấy phép lái xe (bản gốc), số 662715 mang tên Phạm Văn T5;

+ Trả lại cho bà Vương Thị Hạ H5, sinh năm 1990, trú tại: 335/1 Y2, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân (bản gốc), số 241227642 mang tên Vương Thị Hạ H5;

+ Trả lại cho bà Trần Thái Tú U, sinh năm 1992, trú tại: TPD 12, phường K1, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Trần Đăng Tuệ; 01 (một) Giấy khai sinh (bản chính), mang tên Trần Đăng Khánh Bằng (Bút lục 280);

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1990, trú tại: xã E2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) Chứng minh nhân dân (bản gốc), số 215110599 mang tên Lê Thành Nhân;

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan